

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT VINH VIỄN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông
Vĩnh Viễn, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp			
		Tổng số	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	214	101	67	46
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	207 (96.73%)	99 (98.02%)	62 (62.54%)	46 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7 (3.27%)	2 (1.98%)	5 (7.46%)	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	214	101	67	46
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	134 (62.62%)	61 (60.40%)	35 (52.24%)	38 (82.61%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	68 (31.78%)	37 (36.63%)	23 (34.33%)	8 (17.39%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12 (5.61%)	3 (2.97%)	9 (13.43%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	214	101	67	46
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	214 100%	101 (100%)	67 (100%)	46 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	134 (62.62%)	61 (60.40%)	35 (52.24%)	38 (82.61%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	68 31.78%	37 (36.63%)	23 (34.33%)	8 (17.39%)

STT	Nội dung	Chia ra theo khối lớp			
		Tổng số	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	19/9	1/4	11/3	7/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	7	3	2	2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	3	0	0	3
1	Cấp huyện	0			0
2	Cấp tỉnh/thành phố	3			3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0			0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	46	0	0	46
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	46	0	0	46
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	42	0	0	42 (91,30)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	114/100	45/56	36/31	33/13
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	2	1	2

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08.. tháng 7 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Hồng Danh